| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: 01/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 27/02/2023
*V/v: Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Ngọc Hoa;

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

Ông Trần Xuân Thảo

***Thư ký phiên toà:*** Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" do có kháng cáo của Bị đơn đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 124/2022/HNGĐ-ST, ngày 08/8/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 823/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự :

**1. Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị B; sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà B đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Giấy ủy quyền ngày 07/10/2022). Có mặt

**2. Bị đơn:** Anh Đoàn Trung K; sinh năm 1982; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà B đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1984. Có mặt

3.2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955. Vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà B đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Đoàn Trung K

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, đăng kí kết hôn ngày 10/02/2012 tại UBND xã Đ2, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, ở cùng gia đình nhà chồng. Từ năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, hôn nhân không hạnh phúc nhưng anh chị vẫn cố gắng chung sống để nuôi dạy con chung. Khoảng năm 2017, thì anh K đi lao động tại Đài Loan, ban đầu vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, nhưng sau đó mâu thuẫn trầm trọng nên không còn liên lạc với nhau nữa, anh K có gọi điện về thì chỉ nói chuyện với con. Tháng 9/2019 anh K có về nghỉ phép, có gọi chị về nhưng chị xét thấy không còn tình cảm nên chị không về nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1; sinh ngày 29/12/2012 và Đoàn Thạch T; sinh ngày 29/3/2015. Trước khi đi nước ngoài vợ chồng chị đã thỏa thuận với nhau là chị nuôi cháu T, anh K nuôi cháu G. Nhưng khoảng tháng 9/2019 khi anh K về nước đã đón cháu T về nhà anh K nuôi dưỡng. Hiện nay, hai con chung đang ở với bà nội của cháu. Sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng. Cháu T hiện nay đang học ở trường mầm non Đ, thành phố B, chị vẫn đóng tiền học phí cho cháu.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Đoàn Trung K trình bày:*

1. Về hôn nhân: Quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, anh đồng ý với trình bày của chị B. Nay chị B yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý.

2. Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị B trình bày là đúng. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh và gia đình anh, các cháu vẫn phát triển bình thường.

Chị B đề nghị được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh cấp dưỡng thì anh không đồng ý. Anh có nguyện vọng được nuôi hai con chung và yêu cầu chị B cấp dưỡng cho hai con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh đang ở cùng mẹ là bà Đ và gia đình nhà anh C là em trai anh. Trước khi anh về nước thì anh vẫn gửi tiền về để nuôi dưỡng con chung. Anh đang làm việc tại Xí Nghiệp T, số A, lô 03, khu công nghiệp N, thành phố N, quận N, Đài Loan có mức lương khoảng 40 triệu đồng/1 tháng. Anh vẫn tạo điều kiện để chị B thăm nom con chung, không cản trở gì.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đ trình bày:*

Bà là mẹ đẻ của anh Đoàn Trung K. Hiện nay anh K đang đi lao động tại Đài Loan, nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về việc chị B xin ly hôn thì anh K có trao đổi với gia đình là đợi anh K về thì mới giải quyết. Về con chung: Anh K và chị B có 02 con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1 và cháu Đoàn Thạch T1 Hiện nay hai cháu đang ở với gia đình bà. Chị B đề nghị được nuôi con chung thì anh K không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn C trình bày:*

- Về con chung: Anh K và chị B có hai con chung như chị B trình bày. Hiện nay hai cháu đang ở với gia đình anh được đảm bảo tốt nhất về chỗ ăn ở, phát triển tinh thần, thể chất và luôn được quan tâm dạy dỗ, học tốt. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình anh được nuôi dưỡng hai con chung của chị B và anh K để đảm bảo cuộc sống cho các cháu.

Anh đề nghị Tòa án giám định giấy ủy quyền đề ngày 12/4/2021 mang tên người ủy quyền là anh Đoàn Trung K.

Tại kết luận giám định số 1064/KL-KTHS ngày 01/7/2021 của phòng K1 công an tỉnh B đã kết luận D vân tay màu đỏ in trên Giấy ủy quyền đề ngày 12/4/2021 mang tên người ủy quyền là anh Đoàn Trung K và mẫu vân tay in tại ô " Cái Phải" chỉ bản của anh Đoàn Trung K là của cùng một người.

** Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 07/8/2022 của con chung là Đoàn Phúc Đức* Trường G1*; sinh ngày 29/12/2012*: Cháu G có nguyện vọng được ở với bố; cháu T có nguyện vọng được ở với bố.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 124/2022/HNGĐ-ST, ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, căn cứ: khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; Điều 151; khoản 3, Điều 153; Điều 154; Điều 161, điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6, Điều 27- Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị B và anh Đoàn Trung K.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Đoàn Trung K được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1; sinh ngày 29/12/2012 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Giao cho chị Phạm Thị B được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Đoàn Thạch T; sinh ngày 29/3/2015 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 08/8/2022, anh Đoàn Trung K có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được nuôi cả hai con chung Đoàn Phúc Đức Trường G và Đoàn Thạch T theo nguyện vọng của hai con.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Nguyên đơn chị Phạm Thị B và bị đơn anh Đoàn Trung K thỏa thuận: Anh Đoàn Trung K là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1; sinh ngày 29/12/2012 và cháu Đoàn Thạch T; sinh ngày 29/3/2015 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đoàn Trung K và chị Phạm Thị B không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm*:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Tại phiên tòa các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau: Anh Đoàn Trung K là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1; sinh ngày 29/12/2012 và cháu Đoàn Thạch T; sinh ngày 29/3/2015 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của anh Đoàn Trung K đảm bảo thời hạn, hình thức, nội dung theo quy định, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh K:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị B và bị đơn anh Đoàn Trung K thỏa thuận: Anh Đoàn Trung K là người trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1; sinh ngày 29/12/2012 và cháu Đoàn Thạch T; sinh ngày 29/3/2015 đến khi hai con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Đoàn Trung K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000549 ngày 16/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của chị Phạm Thị B và anh Đoàn Trung K về việc nuôi con sau ly hôn; Sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số

124/2022/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang. Như sau:

Về con chung: Giao cho anh Đoàn Trung K được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai con chung là cháu Đoàn Phúc Đ1 Trường G1; sinh ngày 29/12/2012 và cháu Đoàn Thạch T; sinh ngày 29/3/2015 đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sư phúc thẩm: Anh Đoàn Trung K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000549 ngày 16/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"*

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Hoa**